

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 11 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Giáo dục và phát triển cộng đồng (2 năm) Khóa tuyển sinh: 2025  
Trình độ: Thạc sĩ Hình thức đào tạo Chính quy Định hướng ứng dụng  
(Theo Quyết định số 2369/QĐ-ĐHSP ngày 12/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHN)

| TT                                         | Mã học phần | Tên học phần                                        | Số tín chỉ |    |        | HP học trước/ tiên quyết/ | Khoa quản lý |
|--------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------|------------|----|--------|---------------------------|--------------|
|                                            |             |                                                     | TC         | LT | TH/ TN |                           |              |
| KHỐI KIẾN THỨC CHUNG                       |             |                                                     | 4          | 4  | 0      |                           |              |
| 1                                          | 31645000    | Triết học                                           | 4          | 4  | 0      |                           | GDCT         |
| KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH |             |                                                     | 41         |    |        |                           |              |
|                                            |             | Học phần bắt buộc                                   |            |    |        |                           |              |
| 2                                          | 32035142    | Cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục cộng đồng   | 3          | 2  | 1      | *                         | TLGD         |
| 3                                          | 32035143    | Phát triển cộng đồng                                | 3          | 2  | 1      | *                         | TLGD         |
| 4                                          | 32035144    | Giáo dục cộng đồng, học tập và phát triển           | 3          | 2  | 1      | *                         | TLGD         |
| 5                                          | 32035145    | Phương pháp nghiên cứu trong giáo dục cộng đồng     | 3          | 2  | 1      |                           | TLGD         |
| 6                                          | 32035163    | Giáo dục kinh tế và pháp luật cho cộng đồng         | 3          | 2  | 1      |                           | TLGD         |
| 7                                          | 32035164    | Giáo dục sức khỏe cộng đồng                         | 3          | 2  | 1      |                           | TLGD         |
| 8                                          | 32035165    | Giáo dục văn hóa cộng đồng                          | 3          | 2  | 1      |                           | TLGD         |
| 9                                          | 32035166    | Giáo dục môi trường và phát triển bền vững          | 3          | 2  | 1      |                           | TLGD         |
|                                            |             | Học phần tự chọn (chọn 17/30 TC)                    |            |    |        |                           |              |
| 10                                         | 32035146    | Xã hội học giáo dục                                 | 3          | 2  | 1      | *                         | TLGD         |
| 11                                         | 32035147    | Giáo dục đa văn hoá                                 | 3          | 2  | 1      |                           | TLGD         |
| 12                                         | 32035148    | Phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục          | 3          | 2  | 1      |                           | TLGD         |
| 13                                         | 32035149    | Hành vi con người và môi trường xã hội              | 3          | 2  | 1      |                           | TLGD         |
| 14                                         | 32035150    | Chính sách xã hội                                   | 3          | 2  | 1      | *                         | TLGD         |
| 15                                         | 32025152    | Nhân học                                            | 2          | 1  | 1      |                           | TLGD         |
| 16                                         | 32035153    | Giáo dục trẻ em trong cộng đồng                     | 3          | 2  | 1      |                           | TLGD         |
| 17                                         | 32025154    | Giáo dục sinh kế                                    | 2          | 1  | 1      |                           | TLGD         |
| 18                                         | 32035155    | Giáo dục trong phòng ngừa các vấn đề xã hội         | 3          | 2  | 1      |                           | TLGD         |
| 19                                         | 32025156    | Truyền thông trong giáo dục và phát triển cộng đồng | 2          | 1  | 1      |                           | TLGD         |
| 20                                         | 32035157    | Quản lý dự án giáo dục trong phát triển cộng đồng   | 3          | 2  | 1      |                           | TLGD         |
| 21                                         | 32065167    | Thực tập                                            | 6          | 0  | 6      |                           | TLGD         |
| 22                                         | 32095168    | ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP                                    | 9          | 0  | 9      |                           | TLGD         |
| TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA                  |             |                                                     | 60         |    |        |                           |              |

2

|                                          |           |  |  |  |  |
|------------------------------------------|-----------|--|--|--|--|
| <b>Tổng số tín chỉ bắt buộc</b>          | <b>43</b> |  |  |  |  |
| <b>Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu</b> | <b>17</b> |  |  |  |  |

- Ghi chú:* - Học viên phải tích lũy tối thiểu 60 tín chỉ; sinh viên được tích lũy tối đa 15 tín chỉ.  
- Sinh viên năm thứ 3 (khá, giỏi) được phép đăng ký học các học phần có gắn dấu (\*).  
- Sinh viên năm thứ 4 (khá, giỏi) được phép đăng ký học tất cả các học phần.

**TRƯỜNG KHOA**



**PGS. TS NGUYỄN THỊ TRÂM ANH**

**K. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Phan Đức Tuấn**

2

|                                          |           |                                                      |           |          |           |  |      |
|------------------------------------------|-----------|------------------------------------------------------|-----------|----------|-----------|--|------|
| 21                                       | 32035161  | Chuyên đề Giáo dục môi trường và phát triển bền vững | 3         | 2        | 1         |  | TLGD |
| 22                                       | 320155162 | <b>LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>                           | <b>15</b> | <b>0</b> | <b>15</b> |  | TLGD |
| <b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA</b>         |           |                                                      | <b>60</b> |          |           |  |      |
| <b>Tổng số tín chỉ bắt buộc</b>          |           |                                                      | <b>43</b> |          |           |  |      |
| <b>Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu</b> |           |                                                      | <b>17</b> |          |           |  |      |

Ghi chú: - Học viên phải tích lũy tối thiểu 60 tín chỉ; sinh viên được tích lũy tối đa 15 tín chỉ.  
- Sinh viên năm thứ 3 (khá, giỏi) được phép đăng ký học các học phần có gắn dấu (\*).  
- Sinh viên năm thứ 4 (khá, giỏi) được phép đăng ký học tất cả các học phần.

**TRƯỞNG KHOA**



**PGS. TS NGUYỄN THỊ TRÂM ANH**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Phan Đức Tuấn**